

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MẠNH TÚ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MẠNH TÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANH TU INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109109340

**3. Ngày thành lập:** 28/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 32, ngách 2 ngõ Thái Thịnh I, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                  | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:- Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quảng cáo bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                           | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                     | 4102        |
| 5.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                    | 7410        |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                              | 6619        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                               | 4211        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                | 4212        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                    | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                         | 4222        |
| 11. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                          | 4223        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                           | 4229        |
| 13. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                    | 4291        |
| 14. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                             | 4292        |
| 15. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                       | 4293        |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                           | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                    | 4759 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4752 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299 |
| 23. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:- Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4659 |
| 25. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7912 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4932 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663 |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610 |
| 30. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621 |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5629 |
| 32. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 33. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230 |
| 34. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                                                                                                                                                 | 5510 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ:<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;<br>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;<br>- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;<br>- Lai dắt, cứu hộ đường bộ. | 5225 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |

6. **Vốn điều lệ:** 80.000.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 8.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN ANH TÚ  | Số 15 ngách 221, ngõ Thịnh Quang, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 3.200.000  | 32.000.000.000        | 40,000    | 012992707                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Tổng số                   | 3.200.000  | 32.000.000.000        | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | MAI ANH TUẤN | P511-H1 TT C/ty KSTK Điện, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 800.000    | 8.000.000.000         | 10,000    | 017074000012                                                                                |         |
|     |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                | Tổng số                   | 800.000    | 8.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |            |                                                                                          |                           |           |                |        |              |
|---|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG MẠNH | PD5-2 Nhà A2 TT Khương Thượng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 4.000.000 | 40.000.000.000 | 50,000 | 001074018488 |
|   |            |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                          | Tổng số                   | 4.000.000 | 40.000.000.000 | 50,000 |              |
|   |            |                                                                                          |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001074018488

Ngày cấp: 27/04/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: PD5-2 Nhà A2 TT Khương Thượng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: PD5-2 Nhà A2 TT Khương Thượng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội